

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-03-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đại Long
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Hằng và Bà Lê Thị Trang
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Ng, huyện X, tỉnh H

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Gia Y, xã Ng, huyện X, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai chị Nguyễn Thị T và biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới chị T về sống cùng với anh T hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn sâu sắc từ năm 2004 và kể từ đó anh, chị sống ly thân cho đến nay, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu tòa án không công chị và anh T là vợ chồng.

Theo anh Nguyễn Văn T: Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục, anh, chị đã về chung sống và phát sinh mâu thuẫn như chị T đã khai là đúng và từ năm 2004 đến nay không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay tình cảm của anh đối với chị T không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có 2 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/8/1995 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 27/7/2002.

Theo chị T và anh T: Cả hai con Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Ngọc D đã trưởng thành đều tự lo cho cuộc sống của mình được rồi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; đương sự và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ những tài liệu, chứng cứ và nhận xét nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 47 BLTTDS; Điều 8 Luật HNGĐ năm 1986, khoản 1 Điều 11 Luật HNGĐ năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 4 Điều 3 TTLT số 01/ngày 06/01/2016; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 2002. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

{2} Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại thôn Y, xã Ng,

huyện X, tỉnh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa.

{3} Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, kể từ khi hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

{4} Về nội dung vụ án:

{4.1} Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống có 2 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/8/1995 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 27/7/2002. Sau khi cưới chị T về sống cùng với anh T hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn sâu sắc từ năm 2004 và kể từ đó anh, chị sống ly thân cho đến nay, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng, xét thấy Việc anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn đã vi phạm quy định tại Điều 8 Luật HNGĐ năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật HNGĐ năm 2000; khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014 và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình thì đây không phải là quan hệ vợ chồng và tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 theo quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

{4.2} Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có 2 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/8/1995 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 27/7/2002. Chị T và anh T đều thống nhất cả hai con Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Ngọc D đã trưởng thành đã tự lo cho cuộc sống của mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy 02 con của anh T và chị T đã Thành niên nên chấp nhận yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

{4.3} Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{5} Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

{6} Về án phí: Trong vụ án này chị Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn T về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có 2 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/8/1995 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 27/7/2002. Cháu T và cháu D đã thành niên tự lo cho cuộc sống của các cháu nên chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009262 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Quảng Xương, Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Cơ quan Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

